

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2011/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2011 và Nghị định số 22/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc (sau đây được viết là Nghị định số 23/2011/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 22/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung (sau đây được viết là Nghị định số 22/2011/NĐ-CP);

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng như sau:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người nghỉ hưu hưởng trợ cấp hàng tháng từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo quy định tại Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ); quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu trước ngày 01 tháng 5 năm 2011.

2. Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ đang hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2011.

3. Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2011.

4. Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp hàng tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2011.

5. Người đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2011.

6. Người đang hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản trước ngày 01 tháng 5 năm 2011 thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định mà từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 trở đi còn thời hạn hưởng trợ cấp theo quy định.

Điều 2. Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng

1. Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 1 Thông tư này đang hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng, mức lương hưu, trợ cấp hàng tháng được điều chỉnh như sau:

$$\text{Mức lương hưu, trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/5/2011} = \text{Mức lương hưu, trợ cấp tháng 4/2011} \times 1,137$$

Ví dụ 1: Ông A, có mức lương hưu tháng 4/2011 là 1.938.027 đồng/tháng.

Mức lương hưu của ông A từ tháng 5/2011 được điều chỉnh như sau:

$$1.938.027 \text{ đồng/tháng} \times 1,137 = 2.203.537 \text{ đồng/tháng}$$

Ví dụ 2: Ông B, cấp bậc Đại úy, có mức lương hưu tháng 4/2011 là 2.544.983 đồng/tháng.

Mức lương hưu của ông B từ tháng 5/2011 được điều chỉnh như sau:

$$2.544.983 \text{ đồng/tháng} \times 1,137 = 2.893.646 \text{ đồng/tháng}$$

Ví dụ 3: Ông C là cán bộ xã nghỉ việc, hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, có mức trợ cấp tháng 4/2011 là 947.046 đồng/tháng.

Mức trợ cấp hàng tháng của ông C từ tháng 5/2011 được điều chỉnh như sau:

$$947.046 \text{ đồng/tháng} \times 1,137 = 1.076.791 \text{ đồng/tháng}$$

Ví dụ 4: Ông D, nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, có mức trợ cấp tháng 4/2011 là 1.028.407 đồng/tháng.

Mức trợ cấp mất sức lao động của ông D từ tháng 5/2011 được điều chỉnh như sau:

$$1.028.407 \text{ đồng/tháng} \times 1,137 = 1.169.299 \text{ đồng/tháng}$$

2. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư này, mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng được điều chỉnh như sau:

a) Đối với người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp tai nạn lao động,} \\ \text{bệnh nghề nghiệp hàng tháng từ} \\ \text{ngày 01/5/2011} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp tai nạn lao} \\ \text{động, bệnh nghề nghiệp} \\ \text{tháng 4/2011} \end{array} \times 1,137$$

Ví dụ 5: Ông G, đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng, mức trợ cấp tháng 4/2011 là 436.671 đồng/tháng.

Mức trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng của ông G từ tháng 5/2011 được điều chỉnh như sau:

$$436.671 \text{ đồng/tháng} \times 1,137 = 496.495 \text{ đồng/tháng}$$

b) Đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp điều trị xong ra viện hoặc có kết luận của Hội đồng giám định y khoa (đối với trường hợp không điều trị nội trú) trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến 30 tháng 4 năm 2011 mà chưa được giải quyết chế độ thì mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp vẫn tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng ra viện hoặc có kết luận của Hội đồng giám định y khoa; từ ngày 01 tháng 5 năm 2011, mức trợ cấp của đối tượng này được điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đang hưởng trợ cấp phục vụ, thì từ ngày 01 tháng 5 năm 2011, mức trợ cấp phục vụ hàng tháng được tính theo mức lương tối thiểu chung 830.000 đồng/tháng.

3. Đối tượng hưởng trợ cấp tuất hàng tháng quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư này, mức trợ cấp được điều chỉnh như sau:

a) Mức trợ cấp tuất đối với thân nhân đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 được tính theo mức lương tối thiểu chung 830.000 đồng/tháng.

Ví dụ 6: Ông H, đang hưởng trợ cấp tuất đối với thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng với mức trợ cấp hàng tháng bằng 70% mức lương tối thiểu chung. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 mức trợ cấp tuất của ông H là:

$$70\% \times 830.000 \text{ đồng/tháng} = 581.000 \text{ đồng/tháng.}$$

b) Đối với người chết trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến 30 tháng 4 năm 2011 mà thân nhân chưa được giải quyết chế độ tuất thì mức trợ cấp tuất hàng tháng của các tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2011 được tính theo mức lương tối thiểu chung 730.000 đồng/tháng. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2011, mức trợ cấp tuất hàng tháng của đối tượng trên được điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản này.

4. Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư này mà từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 trở đi vẫn còn thời hạn hưởng trợ cấp, thì mức trợ cấp của thời gian được hưởng còn lại được tính theo mức lương tối thiểu chung 830.000 đồng/tháng.

5. Quân nhân, công an nhân dân chuyên ngành rồi nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động đã được hưởng phụ cấp chuyên ngành theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 812/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ, thì từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 khoản phụ cấp chuyên ngành được tính theo mức lương tối thiểu chung 830.000 đồng/tháng.

6. Người đang hưởng lương hưu mà sống cô đơn theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 812/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ, nếu mức lương hưu điều chỉnh theo khoản 1 Điều này thấp hơn 1.245.000 đồng/tháng, thì từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 được điều chỉnh bằng 1.245.000 đồng/tháng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an kiểm tra tình hình thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 23/2011/NĐ-CP, Nghị định số 22/2011/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm triển khai thực hiện việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng quy định tại Nghị định số 23/2011/NĐ-CP, Nghị định số 22/2011/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; lập báo cáo theo mẫu đính kèm Thông tư này gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 6 năm 2011.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành; các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2011.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Minh Huân

Phụ lục
BIỂU TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG HUỖNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TỔNG QUỸ TĂNG THÊM
(Kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đối tượng	Số người hưởng chế độ thời điểm tháng 5/2011 (người)	Tổng kinh phí chi trả thời điểm tháng 5/2011, chưa điều chỉnh (triệu đồng)	Tổng kinh phí chi trả thời điểm tháng 5/2011, đã điều chỉnh theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP và Nghị định số 22/2011/ND-CP (triệu đồng)	Tổng kinh phí tăng thêm do điều chỉnh theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP và Nghị định số 22/2011/ND-CP (triệu đồng)
<p style="text-align: center;">(1)</p> <p>1. Hưu trí BHXH bắt buộc: + Trong đó: do NSNN bảo đảm</p> <p>2. Mất sức lao động:</p> <p>3. Trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định số 613/QĐ-TTg</p> <p>4. Công nhân cao su:</p> <p>5. Cán bộ xã, phường, thị trấn:</p> <p>6. Trợ cấp TNLĐ hàng tháng: + Trong đó: do NSNN bảo đảm</p> <p>7. Trợ cấp BNN hàng tháng: + Trong đó: do NSNN bảo đảm</p>	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)
8. Tuất hàng tháng BHXH bắt buộc: + Trong đó: do NSNN bảo đảm 9. Hưu trí BHXH tự nguyện (kể cả trợ cấp hàng tháng từ quỹ BHXH nông dân Nghệ An chuyển sang) 10. Tuất hàng tháng BHXH tự nguyện				
Tổng cộng				

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)